

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN: **Giáo Dục Thể Chất 2**

Số Tín chỉ: **1**

LỚP: **14CD-01**

HỌC KỲ: **II**

NĂM HỌC: **2014 - 2015**

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D2050001	Nguyễn Trường	An		7	9					8	0	4.0
2	14D2050002	Nguyễn Văn	An		7	8					8	8	7.9
3	14D2050045	Bùi Tuấn	Anh		7	7					8	8	7.8
4	14D2050051	Huỳnh Anh	Bảo		0	0					0	0	0.0
5	14D2050059	Dương Quốc	Cường		0	0					0	0	0.0
6	14D2050003	Trần Minh	Cường		9	10					9	9	9.1
7	14D2050004	Phạm Công	Danh		6	5					6	7	6.4
8	14D2050005	Bùi Tiến	Dũng		6	8					6	8	7.2
9	14D2050006	Dịp Chí	Dũng		8	9					7	8	7.8
10	14D2050007	Nguyễn Anh	Dương		7	6					7	8	7.4
11	14D2050008	Trần Anh	Duy		7	7					6	5	5.7
12	14D2050071	Trần Đức	Duy		8	5					7	8	7.4
13	14D2050010	Nguyễn Tiến	Đạt		7	9					6	5	5.9
14	14D2050011	Trần Tiến	Đạt		8	6					7	8	7.5
15	14D2050086	Phan Vũ Trường	Giang		9	9					8	9	8.7
16	14D2050012	Nguyễn Văn	Hàng		9	10					8	9	8.8
17	14D2050013	Nguyễn Hùng	Hay		8	5					8	9	8.2
18	14D2050014	Nguyễn Thái	Hòa		9	5					8	9	8.3
19	14D2050015	Hồ Minh	Hoàng		0	0					0	0	0.0
20	14D2050016	Lê Minh	Hoàng		8	7					8	6	6.9
21	14D2050017	Đào Duy	Hưng		8	5					8	7	7.2
22	14D2050018	Nguyễn Trần Đạo	Hưng		7	5					9	7	7.4
23	14D2050019	Trần Quốc	Hùng		0	0					0	0	0.0
24	14D2050265	Hoàng Thiện	Huy		5	8					8	6	6.7
25	14D2050020	Phạm Vũ	Khánh		7	9					7	6	6.7
26	14D2050021	Võ Đăng	Khoa		8	8					8	7	7.5
27	14D2050023	Nguyễn Thành	Lân		0	0					0	0	0.0
28	14D2050024	Nguyễn Ngọc	Linh		7	5					6	9	7.5
29	14D2050025	Nguyễn Huỳnh	Lộc		6	5					6	5	5.4
30	14D2050026	Lê Đình	Long		7	0					6	0	2.5
31	14D2050027	Nguyễn Tuấn	Minh		6	5					6	5	5.4
32	14D2050028	Bùi Trọng	Nghĩa		7	5					8	8	7.6
33	14D2050029	Nguyễn Đỗ Trọng	Nghĩa		9	10					8	9	8.8
34	14D2050146	Lưu Khánh	Nguyên		5	9					8	7	7.3
35	14D2050030	Trương Ngọc	Ninh		7	6					6	0	3.1
36	14D2050031	Lưu Tấn	Phát		7	6					6	5	5.6
37	14D2050032	Huỳnh Ngọc	Phong		0	0					0	0	0.0
38	14D2050034	Võ Duy	Phú		0	0					0	0	0.0
39	14D2050043	Nguyễn Đặng	Quý		0	0					0	0	0.0
40	14D2050035	Nguyễn Văn Minh	Sáng		5	10					9	0	4.2
41	14D2050036	Lê Nguyễn Thanh	Sơn		7	9					8	8	8.0
42	14D2050037	Nguyễn Hồng	Sơn		0	0					6	0	1.8
43	14D2050269	Trần Quốc	Sơn		7	5					7	8	7.3
44	14D2050181	Nguyễn Bá	Tài		0	0					0	0	0.0
45	14D2050038	Lưu Nhật	Tân		7	8					6	9	7.8
46	14D2050039	Nguyễn Lê Minh	Tân		6	7					7	9	7.9
47	14D2050274	Lê Công	Thành		6	5					6	0	2.9
48	14D2050278	Nguyễn Xuân	Thiện		8	8					8	9	8.5
49	14D2050040	Võ Đoàn	Triều		0	0					7	0	2.1
50	14D2050041	Nguyễn Anh	Tuấn		7	5					7	7	6.8
51	14D2050272	Trần Quốc	Tuấn		0	0					0	0	0.0
52	14D2050042	Nguyễn Đức Kiên	Tường		0	0					0	0	0.0

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	
53	14D2050250	Đặng Thanh Vinh		9	8					8	9	8.6
54	14D2050277	Võ Xuân Vinh		7	5					7	8	7.3

Yêu cầu : Khoa niêm yết cho sinh viên, lưu Giáo vụ Khoa và nộp bản chính cho Phòng TS - Đào tạo - GTVL.

Tổng danh sách có : 54 SV

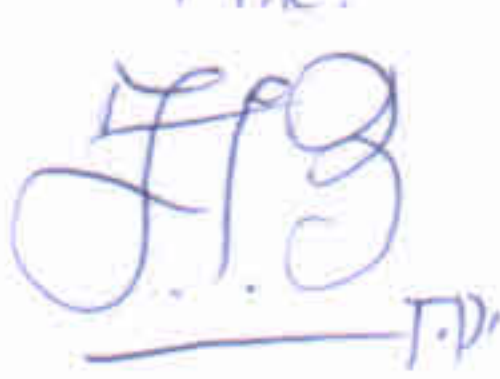
Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ	: 6 SV	(11.11%)	
Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ	: 20 SV	(37.04%)	Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 38 SV (70.37%)
Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ	: 10 SV	(18.52%)	
Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ	: 2 SV	(3.7%)	
Tổng số SV có điểm kém <4 đ	: 16 SV	(29.63%)	Tổng số SV có điểm < 4 đ : 16 SV (29.63%)
Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện	: 0 SV	(0%)	

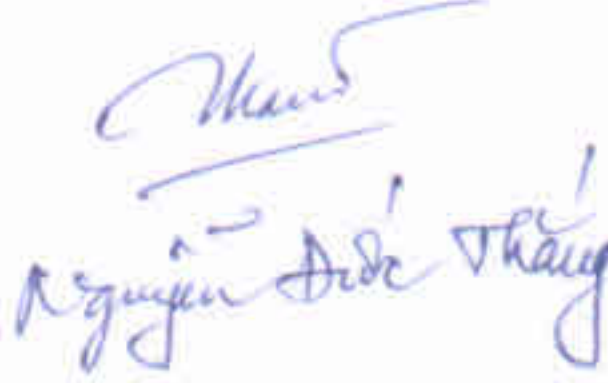
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2015

KT TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.

 T.P.


 Nguyễn Đức Thắng



Nguyễn Phú Tân

Nguyễn Tiến Dương